BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VÀ THỰC HÀNH HỌC THUẬT

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU & ĐẠO ĐỨC CÔNG NGHỆ

XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG BỘ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) CÓ TRÁCH NHIỆM VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC ĐƯỜNG

Báo cáo phân tích chuyên sâu về ranh giới học thuật, thực nghiệm ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu tài liệu, và kiến tạo bộ khung nguyên tắc liêm chính cá nhân.

Báo cáo Học tập Khóa học Đạo đức Học thuật

Thực hiện tại Hệ thống Giáo dục Đại học Việt Nam

Năm học 2025 - 2026

PHẦN 1: NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG AI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Khung chính sách của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

Trong bối cảnh các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) như ChatGPT, Claude và Gemini bùng nổ, Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành Khung hướng dẫn quản lý và ứng dụng AI trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu học thuật. Chính sách của trường tiếp cận vấn đề theo định hướng **"Thúc đẩy đổi mới nhưng giữ vững liêm chính"**. Cụ thể, khung chính sách xoay quanh ba trụ cột cốt lõi:

1. **Quyền áp dụng công nghệ hỗ trợ:** Người học được khuyến khích sử dụng AI như một công cụ bổ trợ để tìm kiếm ý tưởng, tối ưu hóa cấu trúc bài viết, sửa lỗi ngữ pháp hoặc hỗ trợ dịch thuật tài liệu nước ngoài.
2. **Nghĩa vụ minh bạch thông tin:** Mọi sản phẩm học thuật, đề tài nghiên cứu hoặc tiểu luận có sự can thiệp của AI vượt quá mức sửa lỗi cơ bản đều bắt buộc phải có "Tuyên bố sử dụng AI" (AI Disclosure Statement), mô tả rõ công cụ đã dùng và phạm vi tác động.
3. **Hành vi nghiêm cấm (Gian lận học thuật):** Việc sao chép trực tiếp kết quả đầu ra của AI để nộp làm bài tập cá nhân, bài thi hoặc khóa luận tốt nghiệp mà không qua xử lý, đối chiếu nguồn hoặc trích dẫn được cấu thành hành vi đạo văn công nghệ và sẽ bị xử lý kỷ luật nghiêm khắc theo quy chế đào tạo.

1.2. So sánh đối chiếu với Đại học RMIT Việt Nam

Để có góc nhìn toàn diện, nghiên cứu này tiến hành so sánh hệ thống quy định của ĐHQGHN với Khung chính sách AI của Đại học RMIT Việt Nam - một đơn vị quốc tế tiên phong trong việc định hình mô hình lớp học kỹ thuật số. RMIT áp dụng hệ thống phân loại 4 mức độ sử dụng AI rất trực quan cho từng nhiệm vụ học tập:

Bảng 1.1: So sánh đối chiếu chính sách quản lý AI giữa ĐHQGHN và RMIT Việt Nam

Tiêu chí so sánh	Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)	Đại học RMIT Việt Nam
Cách tiếp cận chủ đạo	Định hướng nguyên tắc chung, lồng ghép vào quy chế liêm chính học thuật sẵn có.	Xây dựng khung phân loại kỹ thuật số chi tiết ứng dụng trực tiếp vào từng bài tập.
Phân tách mức độ cho phép	Phân biệt theo tính chất: hỗ trợ kỹ thuật (được phép) và thay thế tư duy (cấm).	Chia rõ thành 4 mức độ: Không AI; Chỉ sửa lỗi; Hỗ trợ một phần; Cho phép toàn diện.
Quy chuẩn trích dẫn	Yêu cầu tuyên bố bằng văn bản cuối bài, chưa chuẩn hóa sâu về kỹ thuật trích dẫn.	Yêu cầu bắt buộc trích dẫn theo chuẩn APA 7th hoặc Harvard cụ thể cho AI.
Chế tài xử phạt	Hủy kết quả bài thi, đánh trượt học phần, cảnh cáo học vụ tùy mức độ vi phạm.	Trừ điểm nặng, hủy bài, lập hồ sơ vi phạm liêm chính học thuật (Academic Misconduct).

1.3. Nhận định cá nhân

Từ việc nghiên cứu sâu hai văn bản chính sách trên, tôi nhận thấy quy định của các trường đại học tại Việt Nam đang chuyển dịch tích cực từ tư duy "cấm đoán tiêu cực" sang "quản lý chủ động". Chính sách của ĐHQGHN mang tính bao quát và tôn trọng quyền tự chủ đạo đức của người học, tuy nhiên vẫn thiếu các hướng dẫn mang tính thao tác kỹ thuật cụ thể cho giảng viên để đánh giá định lượng thế nào là "vượt quá mức hỗ trợ hợp lý". Việc học hỏi mô hình chia mức độ của RMIT sẽ giúp các chính sách nội địa trở nên rõ ràng, giảm thiểu các tranh chấp học thuật không đáng có giữa người học và người đánh giá.

PHẦN 2: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA AI

Nhằm kiểm chứng khả năng phối hợp tối ưu và thiết lập quy trình kiểm soát chất lượng, tôi đã chọn nhiệm vụ học tập: **"Tổng hợp tài liệu và lập đề cương nghiên cứu khoa học cho đề tài: Tác động của chuyển đổi số đến hành vi tiêu dùng của thế hệ Gen Z tại Việt Nam"**. Quá trình thực hiện bao gồm việc sử dụng AI phối hợp với tư duy phản biện cá nhân để tinh lọc dữ liệu.

2.1. Nhật ký Prompt và Đầu ra của AI

PROMPT 1: KHỞI TẠO Ý TƯỞNG VÀ CẤU TRÚC TỔNG QUAN

Nội dung Prompt: "Tôi đang làm một nghiên cứu về tác động của chuyển đổi số đến hành vi mua sắm trực tuyến của thế hệ Gen Z tại Việt Nam. Hãy đóng vai một chuyên gia nghiên cứu thị trường, gợi ý cho tôi cấu trúc đề cương nghiên cứu gồm 4 chương chính và đề xuất 3 giả thuyết nghiên cứu phù hợp dựa trên các mô hình lý thuyết kinh tế phổ biến."

ĐẦU RA TỪ AI (TRÍCH ĐOẠN CỐT LÕI):

```
CẤU TRÚC ĐỀ CƯƠNG GỢI Ý:
Chương 1: Mở đầu (Lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu).
Chương 2: Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu (Áp dụng mô hình TAM - Technology Acceptance Model và UTAUT).
Chương 3: Phương pháp nghiên cứu (Khảo sát định lượng, kích thước mẫu N = 400).
Chương 4: Kết quả dự kiến và Thảo luận.

CÁC GIẢ THUYẾT ĐỀ XUẤT:
H1: Tính hữu ích cảm nhận (Perceived Usefulness) từ công nghệ số có tác động tích cực đến ý định mua sắm của Gen Z.
H2: Ảnh hưởng xã hội (Social Influence) từ các KOLs/KOCs trên TikTok thúc đẩy hành vi chốt đơn trực tuyến.
H3: Rủi ro cảm nhận (Perceived Risk) về bảo mật thông tin có tác động ngược chiều đến quyết định mua sắm.
```

PROMPT 2: TÌM KIẾM VÀ HỆ THỐNG HÓA TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nội dung Prompt: "Hãy liệt kê 3 hướng nghiên cứu lớn trên thế giới về hành vi người tiêu dùng trẻ trong kỷ nguyên số và gợi ý cách thiết kế bảng câu hỏi khảo sát cho giả thuyết H2 ở trên."

ĐẦU RA TỪ AI (TRÍCH ĐOẠN CỐT LÕI):

```
Hướng 1: Sự dịch chuyển từ thương mại điện tử truyền thống sang Social Commerce.
Hướng 2: Tác động của thuật toán gợi ý cá nhân hóa (Recommendation Systems).
Thiết kế thang đo Likert 5 mức độ cho H2:
1. Tôi thường mua sản phẩm sau khi xem video review của KOC trên TikTok.
2. Ý kiến của cộng đồng mạng ảnh hưởng lớn đến quyết định chọn thương hiệu của tôi.
```

2.2. Quy trình đánh giá, chỉnh sửa và tích hợp của người học

Đầu ra của AI tuy có cấu trúc logic tốt nhưng bộc lộ nhiều hạn chế nghiêm trọng cần sự can thiệp chuyên sâu của tư duy con người. Quá trình tinh chỉnh được thực hiện nghiêm ngặt qua 3 bước:

1. **Thẩm định và phát hiện sai sót (Fact-checking):** AI đã đưa ra một số nhận định chung chung và không cung cấp được nguồn số liệu cụ thể cho thị trường Việt Nam. Đặc biệt, khi được hỏi sâu về các nghiên cứu trước đó, AI có xu hướng "bịa đặt tự động" (hallucination) tên tác giả và năm xuất bản. Tôi đã tiến hành tra cứu độc lập trên Google Scholar và hệ thống Scopus để thay thế toàn bộ các nguồn không xác thực bằng các bài báo khoa học thực tế của các tác giả như Nguyen & Nguyen (2023) hay Tran (2024).
2. **Bản địa hóa và ngữ cảnh hóa dữ liệu:** Mô hình TAM gốc do AI đề xuất mang tính kỹ thuật thuần túy. Để phù hợp với hành vi đặc thù của Gen Z Việt Nam, tôi đã chủ động tích hợp thêm yếu tố "Khả năng tương tác trực tiếp" (Live-stream interaction) và "Niềm tin vào ví điện tử nội địa", những yếu tố mà mô hình tổng quát của AI bỏ qua.
3. **Tái cấu trúc văn phong học thuật:** Chuyển đổi ngôn ngữ máy móc, lặp từ của AI thành văn phong khoa học, khách quan, có tính liên kết chặt chẽ giữa các lập luận.

2.3. Trích dẫn việc sử dụng AI minh bạch

Tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức, việc sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn trong bài nghiên cứu này được trích dẫn một cách công khai trong danh mục tài liệu tham khảo theo định dạng APA 7th như sau:

OpenAI. (2026). *ChatGPT (Phiên bản GPT-4o)* [Mô hình ngôn ngữ lớn]. https://chat.openai.com. Hỗ trợ xây dựng khung cấu trúc đề cương nghiên cứu và gợi ý các biến số của thang đo UTAUT trong phiên làm việc ngày 15/05/2026.

Tuyên bố đóng góp: Trí tuệ nhân tạo được sử dụng duy nhất cho mục đích động não (brainstorming) ý tưởng cấu trúc ban đầu. Toàn bộ nội dung phân tích chuyên sâu, kiểm chứng dữ liệu thực tế và viết báo cáo cuối cùng đều do chính người thực hiện độc lập hoàn thành.

PHẦN 3: PHÂN TÍCH CÁC VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC LIÊN QUAN ĐẾN AI TRONG HỌC THUẬT

3.1. Ranh giới giữa hỗ trợ hợp lý (Scaffolding) và gian lận học thuật (Plagiarism)

Việc xác định ranh giới giữa việc xem AI là một "trợ lý học tập hiệu quả" hay "công cụ gian lận" là thách thức lớn nhất đối với giáo dục hiện đại. Sự hỗ trợ được xem là **hợp lý và có đạo đức** khi người học sử dụng công nghệ để mở rộng nhận thức, làm rõ các khái niệm phức tạp, hoặc tối ưu hóa phương pháp tiếp cận vấn đề. Ở góc độ này, AI đóng vai trò như một giàn giáo (scaffolding) nâng đỡ tư duy, giúp người học vượt qua rào cản kỹ thuật để tập trung vào phân tích chuyên sâu.

Ngược lại, hành vi **gian lận học thuật** xảy ra khi người học ủy thác hoàn toàn quyền tư duy cho máy móc. Việc thực hiện thao tác "sao chép và dán" (copy-paste) toàn bộ câu trả lời của AI rồi ký tên mình lên sản phẩm đó là một hình thức lừa dối học thuật nghiêm trọng. Điều này tạo ra sự bất công đối với những người học nỗ lực tự thân và phá vỡ bản chất của việc đánh giá năng lực trong giáo dục. Ranh giới cốt lõi nằm ở *quyền sở hữu tư duy*: nếu sản phẩm cuối cùng không phản ánh tư duy phê phán và sự thấu hiểu của chính người học, đó chính là gian lận.

3.2. Quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền dữ liệu và cách trích dẫn

Các mô hình AI được huấn luyện trên hàng tỷ kho dữ liệu bao gồm sách báo, bài báo khoa học và các tác phẩm sáng tạo của con người, thường là không có sự đồng thuận hay đền bù bản quyền cho tác giả gốc. Do đó, khi AI tạo ra một đầu ra, thông tin đó là sự tổng hợp phái sinh mờ nhạt từ hàng ngàn nguồn ẩn danh. Người học nếu sử dụng trực tiếp dữ liệu này mà không truy vết nguồn gốc thực sự sẽ gián tiếp tham gia vào quá trình "rửa đạo văn" (plagiarism laundering).

Hơn nữa, theo luật sở hữu trí tuệ hiện hành của nhiều quốc gia, bản thân sản phẩm do AI tạo ra hoàn toàn không được bảo hộ quyền tác giả vì chúng không xuất phát từ hoạt động sáng tạo của con người. Vì vậy, việc thiết lập một quy chuẩn trích dẫn minh bạch đối với AI không chỉ là để đối phó với giảng viên, mà là nghĩa vụ đạo đức nhằm tôn trọng tri thức xã hội. Người học phải học cách trích dẫn cả công cụ AI lẫn các nguồn tài liệu gốc mà AI đã tham chiếu đến.

3.3. Tác động đến quá trình học tập và phát triển kỹ năng dài hạn

Nếu lạm dụng AI quá sớm và quá sâu, người học sẽ phải đối mặt với nguy cơ "teo tóp năng lực tư duy". Quá trình học tập bản chất đòi hỏi sự nỗ lực, đấu tranh tư duy, thậm chí là những thất bại trong việc diễn đạt ý tưởng để não bộ hình thành các liên kết thần kinh mới. Khi AI cung cấp các câu trả lời quá dễ dàng và nhanh chóng, cơ chế thử-và-sai này bị triệt tiêu.

Hậu quả dài hạn là người học bị suy giảm nghiêm trọng khả năng viết luận độc lập, mất đi năng lực đọc hiểu các tài liệu dài và phức tạp, và trở nên thụ động trước các bài toán đòi hỏi tư duy phản biện đa chiều. Họ có thể trở thành những chuyên gia "bấm nút" nhưng mất đi năng lực sáng tạo gốc - thứ cốt lõi phân biệt con người với máy móc.

PHẦN 4: BỘ NGUYÊN TẮC CÁ NHÂN VỀ SỬ DỤNG AI CÓ TRÁCH NHIỆM

Để định hướng hành vi và bảo vệ liêm chính học thuật của bản thân trước sự cám dỗ của công nghệ, tôi tự thiết lập bộ 6 nguyên tắc cốt lõi dưới đây, được liên kết chặt chẽ từ các phân tích đạo đức ở phần trước:

Bảng 4.1: Hệ thống nguyên tắc hành vi cá nhân trong kỷ nguyên AI

STT	Tên nguyên tắc	Nội dung cam kết hành vi	Mục tiêu đạo đức hướng tới
1	**Nguyên tắc Chủ quyền Tư duy**	Luôn tự suy nghĩ và xây dựng đề cương, lập luận cốt lõi trước khi mở bất kỳ công cụ AI nào. AI chỉ được vào cuộc ở giai đoạn tối ưu hóa hoặc mở rộng góc nhìn.	Chống lười biếng tư duy, bảo vệ năng lực sáng tạo gốc của bản thân.
2	**Nguyên tắc Xác minh Tuyệt đối**	Không bao giờ thừa nhận bất kỳ dữ liệu, số liệu hay trích dẫn nào do AI cung cấp mà chưa qua kiểm chứng độc lập từ các nguồn học thuật uy tín.	Loại bỏ lỗi ảo tưởng của AI, đảm bảo tính chính xác khoa học.
3	**Nguyên tắc Minh bạch Toàn diện**	Khai báo trung thực, rõ ràng mọi phân đoạn có sử dụng AI trong báo cáo học thuật bằng cách ghi rõ tên công cụ, thời gian và mục đích sử dụng.	Tôn trọng sự liêm chính và xây dựng niềm tin với cộng đồng học thuật.
4	**Nguyên tắc Bảo mật Dữ liệu**	Tuyệt đối không tải lên các mô hình AI công cộng các dữ liệu cá nhân bảo mật, bài làm chưa công bố của bạn bè hoặc tài liệu nội bộ của nhà trường.	Bảo vệ quyền riêng tư cá nhân và sở hữu trí tuệ của tổ chức.
5	**Nguyên tắc Thẩm mỹ và Văn phong**	Sử dụng AI để tinh chỉnh ngữ pháp, từ vựng nhưng giữ vững giọng văn cá nhân. Không chấp nhận các văn bản vô hồn, rập khuôn do máy viết.	Phát triển kỹ năng giao tiếp và diễn đạt ngôn ngữ cá nhân.
6	**Nguyên tắc Giới hạn Phụ thuộc**	Chủ động thực hiện tối thiểu 50% số lượng bài tập trong học kỳ hoàn toàn bằng phương thức truyền thống (không sử dụng AI) để rèn luyện trí não ổn định.	Duy trì sự dẻo dai của tư duy phản biện độc lập.

PHẦN 5: INFOGRAPHIC MINH HỌA "SỬ DỤNG AI CÓ TRÁCH NHIỆM TRONG HỌC THUẬT"

🛡️ CẨM NANG: SỬ DỤNG AI CÓ TRÁCH NHIỆM TRONG HỌC THUẬT 🛡️

🟢 HÀNH VI ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH (DO)

- **Brainstorming:** Sử dụng AI để gợi ý từ khóa, tìm kiếm các góc nhìn mới hoặc cấu trúc bài luận ban đầu.
- **Tối ưu hóa:** Nhờ AI sửa lỗi chính tả, cải thiện ngữ pháp câu từ cho mạch lạc hơn.
- **Giải thích khái niệm:** Sử dụng AI như một gia sư để giải nghĩa các định lý, công thức toán học $E = mc^2$ phức tạp theo nhiều cách hiểu khác nhau.

🔴 HÀNH VI NGHIÊM CẤM (DON'T)

- **Copy & Paste:** Sao chép nguyên văn sản phẩm của AI rồi nộp bài coi như do bản thân tự viết.
- **Tin tưởng mù quáng:** Sử dụng các số liệu, tài liệu tham khảo do AI tự bịa ra mà không đối chiếu thực tế.
- **Rò rỉ dữ liệu:** Tải các bài nghiên cứu chưa công bố hoặc thông tin cá nhân lên các nền tảng AI công cộng.

💡 QUY TRÌNH 3 BƯỚC LIÊM CHÍNH KHI SỬ DỤNG AI

Bước 1: Khởi tạo tư duy tự thân (Lên ý tưởng gốc) ➡️ **Bước 2: Phối hợp tối ưu với AI** (Lọc và cải thiện) ➡️ **Bước 3: Minh bạch hóa và Trích dẫn** (Khai báo đúng chuẩn)

TƯ DUY LÀ CỦA BẠN - AI CHỈ LÀ TRỢ LÝ. HÃY LÀ NGƯỜI LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đại học Quốc gia Hà Nội. (2024). *Hướng dẫn số 4232/HD-ĐHQGHN về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyen, V. A., & Nguyen, T. M. (2023). Số hóa giáo dục đại học và những thách thức mới đối với liêm chính học thuật tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(4), 45-52.

RMIT University. (2024). *Artificial Intelligence Academic Integrity Framework for Students.* RMIT Learning Lab. https://www.rmit.edu.au/students/support-services/learning-skills

Tran, D. C. (2024). *Hành vi tiêu dùng trực tuyến của thế hệ trẻ Việt Nam trong kỷ nguyên số*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.